TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tư do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 462/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh T, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Thị L T, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H T, xã V P, huyện G R, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Danh T trình bày:***

Ông và bà T kết hôn vào năm 1993 nhưng đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình hôn nhân giữa ông và bà T thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2011, thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã nhau liên tục, mất dần tình cảm, hạnh

phúc gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa ông và bà T không còn phù hợp tính ý, bất đồng với nhau về quan điểm sống, trong sinh hoạt và trong công việc làm ăn.

Mặc dù, trong thời gian này giữa ông và bà T cũng đã có rất nhiều lần tự khắc phục sửa chữa để vợ chồng lo xây dựng hạnh phúc. Nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả, do cuộc sống đã không còn có hạnh phúc và cũng không thể chung sống, nên vào năm 2016 ông và bà đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, đến nay việc hôn nhân giữa ông và bà không còn hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà Thị L T.

Về con chung: Quá trình chung sống có được 02 con chung (01 trai; 01 gái), gồm:

1. Danh T Đ, sinh ngày 04/11/1994, bị bệnh câm điếc bẩm sinh và hiện đang sinh sống cùng với bà T tại ấp Huỳnh T, xã V P, huyện G R, tỉnh K G.

2. T T, sinh năm 1995, hiện đã có gia đình riêng và đang sinh sống bên chồng tại ấp H T, xã V P, huyện G R, tỉnh K G.

Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 03/8/2022, bị đơn bà T L T trình bày:***

Bà và ông Danh T kết hôn năm 1993 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không phù hợp tính ý, thường xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc kể từ đó cho đến nay và hai bên đã có cuộc sống riêng tư. Do đó, bà cũng có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Danh T Đ, sinh ngày 1994 (bị bệnh câm điếc bẩm sinh) hiện đang sống với bà và T T, sinh năm 1995 đã có gia đình riêng và đang sinh sống bên chồng. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi Danh T Đ (bị bệnh câm điếc bẩm sinh), không yêu cầu ông Thảo phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Ông Danh T yêu cầu được ly hôn với bà T; con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đồng ý giao Danh T Đ (bị bệnh câm điếc bẩm sinh) cho bà T tiếp tục nuôi, ông không phải cấp dưỡng.

- Bà Thị L T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Thị L T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bà Thu theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại, huyện G R, tỉnh K G nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G R, tỉnh K G.

[1.3]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Danh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thị L T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Danh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Thị L T. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có căn cứ xác định: Ông T và bà T kết hôn vào năm 1993 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết theo định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là anh Danh Thủ Đức, sinh ngày 1994 (bị bệnh câm điếc bẩm sinh) hiện đang sống với bà Thu và chị Thị Thanh, sinh năm 1995 đã có gia đình riêng và đang sinh sống bên chồng.

Bà Thu có nguyện vọng được tiếp tục nuôi anh Danh T Đ (bị bệnh câm điếc bẩm sinh), không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng. Ông T cũng đồng ý để bà T tiếp tục được nuôi dưỡng anh Đ và ông không phải cấp dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi pháp phạm đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận cho bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng anh Danh T Đ, sinh ngày 1994 (bị bệnh câm điếc bẩm sinh), ông T không phải cấp dưỡng do bà T không yêu cầu.

(Trừ trường hợp có thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T và bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Danh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008578, ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R. Ông T đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Danh T và bà Thị L T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận cho bà Thị L T được quyền tiếp tục nuôi anh Danh T Đ, sinh ngày 1994 (bị bệnh câm điếc bẩm sinh), ông Danh T không phải cấp dưỡng do bà T không yêu cầu.

(Trừ trường hợp có thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ông Danh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Thảo đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0008578, ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R. Ông T đã nộp đủ án phí theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Danh T được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 26/8/2022. Báo cho bà Thị L T được biết có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh